

Số: 1917/QĐ-UBND

Hải Dương, ngày 15 tháng 6 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2018 và những năm tiếp theo trên địa bàn tỉnh Hải Dương

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2018 và những năm tiếp theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2018 và những năm tiếp theo trên địa bàn tỉnh Hải Dương

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *JLĐM*

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (để báo cáo);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (để báo cáo);
- VCCI (để báo cáo);
- TT Tỉnh uỷ, TT HĐND tỉnh (để báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- LĐ VP UBND tỉnh và các CV nghiên cứu;
- Lưu: VT, TH, CV. Hùng (100b)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Dương Thái

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

Thực hiện Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2018 và những năm tiếp theo trên địa bàn tỉnh Hải Dương

(Kèm theo Quyết định số 1927/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

Thực hiện Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2018 và những năm tiếp theo, UBND tỉnh Hải Dương ban hành Kế hoạch hành động nhằm cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh Hải Dương năm 2018 và những năm tiếp theo, với những nội dung như sau:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 19/NQ-CP CỦA CHÍNH PHỦ

Trong 04 năm liên tiếp từ 2014-2017, UBND tỉnh Hải Dương đã ban hành các Kế hoạch hành động số 1803/KH-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2014, số 1403/KH-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2015, số 1632/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2016 và số 1053/KH-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2017 để thực hiện Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2014, Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015, Nghị quyết số 19-2016/NQ-CP ngày 28 tháng 4 năm 2016 và Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP ngày 6 tháng 02 năm 2017, đồng thời UBND tỉnh cũng đã ban hành các Kế hoạch hành động, các Chỉ thị, Đề án nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) giai đoạn 2016-2020 để chỉ đạo các cấp, các ngành triển khai các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể nhằm tiếp tục xây dựng môi trường kinh doanh của tỉnh Hải Dương thực sự thông thoáng, minh bạch, hấp dẫn và tạo thuận lợi tối đa cho nhà đầu tư thuộc các thành phần kinh tế tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn có hiệu quả.

Trong những năm qua, UBND tỉnh đã triển khai một số biện pháp nhằm cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; tuy nhiên do chưa thực sự cố gắng, nỗ lực và quyết liệt trong việc thực hiện nên kết quả đạt được còn nhiều hạn chế và chưa đạt được mục tiêu đề ra. Việc cải cách thủ tục hành chính vẫn còn nhiều tồn tại, bất cập và chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiều cán bộ công chức chưa thực sự nêu cao ý thức trách nhiệm và tinh thần, thái độ làm việc trong thực thi công vụ, gây khó khăn, phiền hà và cản trở hoạt động của doanh nghiệp và người dân. Môi trường đầu tư, kinh doanh của tỉnh trong những năm qua chưa được cải thiện một cách tích cực, chỉ số PCI của tỉnh

từ hạng thứ 36/64 (năm 2016) đã giảm xuống thứ 49/64 (năm 2017) tỉnh, thành trong cả nước.

Để tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao chỉ số PCI, phần đầu đưa vị trí xếp hạng PCI của tỉnh như mục tiêu nhiệm vụ Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI nhiệm kỳ 2016-2020 đã đề ra, cần phải có những biện pháp và hành động cụ thể, mạnh mẽ và quyết liệt hơn nữa trong tất cả các lĩnh vực nhằm đạt được mục tiêu, yêu cầu và nhiệm vụ đề ra.

II. MỤC TIÊU

1. Cụ thể hóa Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2018 và những năm tiếp theo thành các nhiệm vụ và giải pháp cụ thể, nhằm xây dựng môi trường kinh doanh của tỉnh thuận lợi, thông thoáng, minh bạch, hấp dẫn và có sức cạnh tranh, tự do sáng tạo cho các doanh nghiệp khởi nghiệp.

2. Tích cực cải thiện về điểm số và vị trí xếp hạng chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của tỉnh giai đoạn từ năm 2018 đến năm 2020. Tiếp tục giữ vững và phát huy hơn nữa các chỉ số thành phần trong bộ chỉ số PCI trong các năm đã được đánh giá tăng điểm, đồng thời tiếp tục cải thiện những chỉ số thành phần còn thấp và giảm điểm trong những năm qua (Giá nhập thị trường; tính minh bạch; cạnh tranh bình đẳng; tính năng động của chính quyền).

3. Thông qua việc cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh để xem xét, đánh giá chất lượng quản lý điều hành của các cơ quan nhà nước, đánh giá công tác cải cách hành chính, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức nhằm xây dựng nền công vụ và đội ngũ cán bộ, công chức đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh trong thời gian tới.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Cải cách thủ tục hành chính, cải thiện các chỉ số khởi sự kinh doanh, cấp phép xây dựng và các thủ tục liên quan, tiếp cận điện năng, đăng ký sở hữu và sử dụng tài sản, nộp thuế và bảo hiểm xã hội theo thông lệ quốc tế.

2. Ứng dụng công nghệ thông tin trong cung cấp dịch vụ công; đẩy mạnh thanh toán qua ngân hàng đối với các dịch vụ công (như thuế, điện, nước, học phí, viện phí và chi trả các Chương trình an sinh xã hội).

3. Nâng cao chất lượng hạ tầng du lịch, y tế, chăm sóc sức khỏe, an ninh và an toàn, vệ sinh môi trường các khu, địa điểm du lịch.

4. Thực hiện các giải pháp thiết thực giảm chi phí logistics cho các chủ hàng.

5. Phối hợp hoạt động thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, giảm tối đa số lần thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, kể cả thanh tra, kiểm tra chuyên ngành.

6. Thực hiện đánh giá tính sáng tạo và kết quả điều hành của các Sở, ban ngành và UBND cấp huyện theo chỉ số cạnh tranh cấp Sở, cấp huyện.

7. Kết hợp thực hiện Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP của Chính phủ với cải thiện chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

8. Thất chặt kỷ luật, kỷ cương, tăng cường liêm chính, sáng tạo, nâng cao hiệu quả công vụ; chỉ đạo cán bộ, công chức, đặc biệt là người đứng đầu các đơn vị trực thuộc thay đổi thái độ làm việc phục vụ lợi ích của người dân và doanh nghiệp; kịp thời phát hiện và thay thế cán bộ, công chức chần chừ trong cải cách thủ tục hành chính, tháo bỏ rào cản, tạo thuận lợi cho đầu tư kinh doanh, hoặc có hành vi lạm dụng thẩm quyền, vị trí việc làm để tư lợi riêng.

9. Tổ chức thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông và ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính, cung ứng dịch vụ công trực tuyến; áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước; triển khai xây dựng các cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đất đai, doanh nghiệp... và chia sẻ cơ sở dữ liệu thông tin phục vụ quản lý nhà nước; thực hiện thuê dịch vụ công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, thuê ngoài đối với các dịch vụ liên quan đến thanh toán, chi trả; đào tạo nhân lực công nghệ thông tin.

10. Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán đồng bộ, tránh chồng chéo, gây ảnh hưởng tới hoạt động doanh nghiệp, thực hiện đúng tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về công tác thanh tra doanh nghiệp; bảo đảm quyền bình đẳng của doanh nghiệp trước pháp luật.

IV. TRÁCH NHIỆM CỦA SỞ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

1. Văn phòng UBND tỉnh

a) Tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo các Sở, ban, ngành, địa phương và các đơn vị trong việc tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch hành động; tham mưu kịp thời và trình lãnh đạo UBND tỉnh xem xét, giải quyết những kiến nghị và phản ánh của doanh nghiệp, người dân.

b) Tham mưu cho UBND tỉnh tổ chức công khai trực tuyến về những chủ trương của tỉnh; tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh trong việc đánh giá việc ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong cải cách thủ tục hành chính (TTHC) của các Sở, ngành và đơn vị trong tỉnh.

c) Phối hợp với các các Sở, ban, ngành liên quan định kỳ hàng năm tổ chức gặp mặt, đối thoại với doanh nghiệp nhằm kịp thời nắm bắt và tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp.

d) Tham mưu cho UBND tỉnh thất chặt kỷ luật, kỷ cương, tăng cường liêm chính, sáng tạo, nâng cao hiệu quả công vụ; chỉ đạo cán bộ, công chức, đặc biệt là người đứng đầu các đơn vị trực thuộc thay đổi thái độ làm việc phục vụ lợi ích của người dân và doanh nghiệp; kịp thời phát hiện và thay thế cán bộ, công chức chần chừ trong cải cách thủ tục hành chính, tháo bỏ rào cản, tạo thuận lợi cho đầu tư kinh doanh, hoặc có hành vi lạm dụng thẩm quyền, vị trí việc làm để tư lợi riêng.

2. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Phối hợp với các cơ quan truyền thông, báo, tạp chí, liên kết website với các trang mạng Trung ương và địa phương thực hiện việc tuyên truyền và phổ biến rộng rãi Kế hoạch hành động của tỉnh thực hiện Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP trên các phương tiện thông tin đại chúng, đề các cấp, các ngành, địa phương và nhân dân nắm bắt, hiểu rõ và cùng tham gia triển khai thực hiện.

b) Nghiên cứu, rà soát, kiến nghị sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2015 về Chính phủ điện tử để phù hợp với môi trường kinh tế số và xây dựng Chính phủ điện tử.

c) Theo dõi, đánh giá việc ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện dịch vụ công trực tuyến, việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích; đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả và cải thiện chỉ số về Chính quyền điện tử.

d) Xây dựng “Cổng dịch vụ công trực tuyến” nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp tra cứu và thực thi các thủ tục hành chính; xây dựng và tích hợp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên cổng giao tiếp điện tử của tỉnh gắn với thanh toán qua ngân hàng đối với các dịch vụ công; đồng thời thực hiện có hiệu quả Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích; rà soát, từng bước xây dựng và đưa vào hoạt động có hiệu quả hệ thống một cửa điện tử thống nhất tại các Sở, ban, ngành và UBND cấp huyện, cấp xã.

đ) Tổ chức triển khai Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Hải Dương; duy trì hoạt động “Cổng thông tin hỗ trợ doanh nghiệp” nhằm công khai, minh bạch các quy hoạch, chủ trương, thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp.

e) Xây dựng Trục tích hợp kết nối liên thông các hệ thống thông tin nhằm tích hợp kết nối liên thông giữa các hệ thống thông tin của tỉnh với các hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin kinh tế xã hội tỉnh Hải Dương nhằm tổng hợp, dự báo, cảnh báo về các chỉ tiêu kinh tế xã hội của tỉnh.

g) Tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch chấm điểm chính quyền điện tử cấp huyện, cấp xã theo Quyết định số 2392/QĐ-BTTTT ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành Bộ tiêu chí và phương pháp đánh giá mức độ chính quyền điện tử cấp xã và cấp huyện.

3. Sở Nội vụ

a) Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2011-2020; Đề án đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức theo Quyết định số 1557/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 07/2016/QĐ-UBND ngày 29 tháng 4 năm 2016 của UBND tỉnh Hải Dương quy định về tổ chức và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông; triển khai thực hiện Quy định về trách nhiệm người đứng đầu cơ quan đơn vị trong công tác cải cách hành chính và Kế hoạch cải cách hành chính Nhà nước của tỉnh giai đoạn 2016-2020.

b) Đánh giá tình hình hoạt động và hiệu quả của mô hình “Một cửa” và “Một cửa liên thông” trong giải quyết các thủ tục hành chính tại các Sở, ngành; từ đó đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả của mô hình này. Tiếp tục triển khai nhân rộng Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại tại UBND cấp huyện theo Quy định tại Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Tiếp tục triển khai thực hiện định kỳ chuyển đổi vị trí việc làm của công chức, viên chức theo Nghị định số 158/2007/NĐ-CP và Nghị định số 150/2013/NĐ-CP của Chính phủ.

4. Sở Tư pháp

a) Tiếp tục triển khai hiệu quả việc thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, thực hiện Nghị quyết số 48-NQ/TW của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 (giai đoạn 2016-2020); Chương trình trọng tâm công tác cải cách tư pháp giai đoạn 2016-2021.

b) Bảo đảm tiến độ, chất lượng trong công tác tham gia, thẩm định, rà soát, hệ thống hóa, văn bản quy phạm pháp luật. Cập nhật đầy đủ văn bản quy phạm pháp luật do UBND tỉnh ban hành vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật; nâng cao chất lượng công tác góp ý, thẩm định và kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm việc ban hành quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính đúng thẩm quyền, thực sự cần thiết, hợp lý, minh bạch và khả thi.

c) Đẩy mạnh đơn giản hóa thủ tục hành chính, hoàn chỉnh các thủ tục hành chính theo hướng đơn giản hóa rút ngắn quy trình, thời gian giải quyết các thủ tục cho người dân và doanh nghiệp nhất là các thủ tục liên quan đến hộ tịch, cấp phiếu lý lịch tư pháp, công chứng, chứng thực..., phấn đấu 100% thủ tục hành chính của Sở đạt mức độ 3 và 4; rà soát và đánh giá tình hình thực hiện các dịch vụ hành chính công, dịch vụ hành chính công trực tuyến, thực hiện dịch vụ công qua dịch vụ bưu chính, có giải pháp tăng cường và nâng cao hiệu quả cung cấp dịch vụ hành chính công do Sở thực hiện. Đa dạng kênh công khai, minh bạch các thủ tục hành chính, quy trình, quy định để người dân và doanh nghiệp tiếp cận dễ dàng nhất.

d) Đẩy mạnh việc tuyên truyền, phổ biến các Luật, Pháp lệnh, Nghị định mới được thông qua năm 2017 và năm 2018; tăng cường công tác phổ biến giáo dục pháp luật liên quan đến đất đai, cơ chế, chính sách liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp như cấp phép xây dựng, đăng ký sở hữu, quyền sử dụng tài sản, thuế, bảo hiểm xã hội...; phối hợp chặt chẽ với các Hội, Hiệp hội hình thành bộ phận tư vấn pháp luật nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt là hỗ trợ doanh nghiệp tuân thủ các quy định của pháp luật theo tinh thần Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020.

đ) Nâng cao hơn nữa hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong các lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan tư pháp và pháp chế, trong đó tập trung vào những lĩnh vực trực tiếp gắn liền với người dân, doanh nghiệp như hộ tịch, quốc tịch, chứng thực, lý lịch tư pháp, công chứng, bán đấu giá tài sản, đăng ký giao dịch bảo đảm, bồi thường nhà nước, trợ giúp pháp lý, xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật,

e) Đẩy mạnh các nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin theo yêu cầu xây dựng chính quyền điện tử; tiếp tục phát huy hiệu quả Trang thông tin điện tử của Sở, phần mềm quản lý văn bản và điều hành, phần mềm Cơ sở dữ liệu hộ tịch, cơ sở dữ liệu công chứng, công chứng. Niêm yết công khai, đầy đủ, kịp thời các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết trên Trang thông tin điện tử của Sở và tại trụ sở cơ quan.

g) Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động thanh tra; thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Chú trọng công tác kiểm tra, thanh tra chuyên ngành về lĩnh vực luật sư, công chứng, giám định tư pháp, bán đấu giá tài sản. Tập trung giải quyết bảo đảm đúng thời hạn, có chất lượng các vụ việc khiếu nại, tố cáo, giải quyết dứt điểm 100% các vụ việc khiếu nại, tố cáo. Đổi mới nội dung, phương thức kiểm tra công tác tư pháp; phối hợp với các cơ quan liên quan hoàn thiện công khai thủ tục hành chính về giải quyết tranh chấp hợp đồng và giải quyết phá sản doanh nghiệp, bảo đảm các mục tiêu theo Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP của Chính phủ.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Thường xuyên đôn đốc các Sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan tiếp tục thực hiện và báo cáo kết quả Kế hoạch số 181/KH-TCTPCI ngày 24 tháng 01 năm 2017 của Tổ công tác PCI về tổ chức triển khai Đề án “Nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) tỉnh Hải Dương” năm 2017; Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020; tiếp tục thực hiện Cam kết giữa UBND tỉnh Hải Dương và Phòng Thương mại và công nghiệp Việt Nam về việc tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp.

b) Nghiên cứu, rà soát, tham gia ý kiến sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư công nhằm khắc phục bất hợp lý, chưa rõ ràng, chưa cụ thể, chồng chéo, mâu thuẫn và khác nhau trong các nội dung có liên quan đến đầu tư, kinh doanh.

c) Theo dõi, đánh giá việc cải thiện các chỉ số về môi trường kinh doanh, về các ngành nghề kinh doanh có điều kiện và điều kiện kinh doanh; phối hợp với các cơ quan, ban ngành có liên quan trong tỉnh phấn đấu cải thiện điểm số và thứ hạng chỉ số Khởi sự kinh doanh theo cách tiếp cận của Ngân hàng Thế giới.

d) Tiếp tục thực hiện rút ngắn thời gian hoàn thành các thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp, thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh tối đa 02 ngày làm việc; giảm 50% thời gian thực hiện các thủ tục thẩm định các dự án đầu tư trong và ngoài nước ngoài khu công nghiệp.

đ) Thường xuyên phối hợp với các Sở, ngành, địa phương và các tổ chức liên quan để nắm bắt những khó khăn, vướng mắc, những kiến nghị đề xuất của các doanh nghiệp, đề xuất các giải pháp giải quyết kịp thời.

e) Tăng cường phối hợp với các cơ quan có liên quan trong việc triển khai thực hiện và đa dạng hoá các kênh vận động, xúc tiến đầu tư thông qua các tổ chức, diễn đàn có uy tín trong và ngoài nước, các cơ quan đại diện của Việt Nam ở các nước ngoài và các tổ chức xúc tiến đầu tư của nước ngoài tại Việt Nam, các nhà đầu tư hạ tầng KCN, CCN. Thực hiện tốt công tác xúc tiến đầu tư tại chỗ thông qua việc phối hợp với các Sở, ngành, địa phương đồng hành cùng doanh nghiệp, hỗ trợ và chăm sóc tốt các doanh nghiệp đang đầu tư kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

6. Sở Tài chính

a) Nghiên cứu tham gia ý kiến sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư công, các Thông tư sửa đổi quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tại các Thông tư số 230/2016/TT-BTC, Thông tư số 279/2016/TT-BTC, Thông tư số 285/2016/TT-BTC và Thông tư số 286/2016/TT-BTC.

b) Thực hiện công khai, minh bạch ngân sách và các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực thu chi ngân sách theo quy định tại Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai NSNN đối với các cấp ngân sách; quản lý chặt chẽ mua sắm tài sản công thông qua đấu thầu mua sắm tập trung theo quy định tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

b) Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông và ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính, cung ứng dịch vụ công trực tuyến; áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 vào hoạt động của cơ quan; phấn đấu đến hết 2018, hầu hết các dịch vụ công phổ biến, liên quan đến người dân, doanh nghiệp được cung cấp ở mức độ 3 và 4.

c) Tiếp tục triển khai theo đúng lộ trình so với kế hoạch được phê duyệt 06 công ty cổ phần năm 2018 tại Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17 tháng 8 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Danh mục doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện thoái vốn giai đoạn 2017-2020; thực hiện cổ phần hóa 01 doanh nghiệp nhà nước năm 2018 được phê duyệt tại Quyết định số 991/TTG-ĐMDN ngày 10 tháng 7 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ.

d) Triển khai xây dựng phương án hệ số điều chỉnh giá đất hàng năm theo quy định và công bố công khai trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, trang thông tin của Sở Tài chính làm cơ sở tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất khi nhà nước giao đất, cho thuê đất trên địa bàn tỉnh.

7. Sở Xây dựng

a) Nghiên cứu, tham gia ý kiến đối với Luật Sửa đổi, bổ sung một Điều của Luật Xây dựng, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật Quy

hoạch đô thị nhằm bảo đảm thống nhất với các quy định về đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường, tạo thuận lợi, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp.

b) Tiếp tục rà soát, cải cách quy trình, thủ tục hành chính về cấp phép xây dựng, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện trực tuyến các thủ tục cấp phép xây dựng (bao gồm thẩm định thiết kế cơ sở, thẩm định thiết kế kỹ thuật, cấp giấy phép xây dựng) để giảm chi phí, nhất là chi phí không chính thức. Thực hiện việc cấp phép xây dựng bao gồm cả thẩm định thiết kế cơ sở và thẩm định thiết kế kỹ thuật xuống còn 63 ngày.

c) Phối hợp với các Sở, ngành có liên quan nghiên cứu đề xuất kết hợp thực hiện lồng ghép thủ tục thẩm định thiết kế xây dựng, thẩm duyệt thiết kế phòng cháy chữa cháy..., nhằm rút ngắn thời gian cho các doanh nghiệp. Chủ động nắm bắt và kịp thời giải quyết các khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục về cấp chứng nhận quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, về quy hoạch, về cấp phép xây dựng theo Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng.

d) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan duy trì và tăng cường các biện pháp kiểm soát chất lượng xây dựng bao gồm cả chất lượng các quy định pháp luật về xây dựng; kiểm soát chất lượng trước khi thi công xây dựng công trình; kiểm soát chất lượng sau khi hoàn thành thi công xây dựng công trình; trách nhiệm pháp lý của các chủ thể sau khi thi công; quản lý và cấp chứng chỉ hành nghề, chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng.

8. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Nghiên cứu, tham gia ý kiến sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật đất đai và các pháp luật có liên quan đến đất đai; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật có liên quan đến bảo vệ môi trường, các quy định về nước thải, bảo đảm thống nhất các quy định về đất đai, bảo vệ môi trường và tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp.

b) Thực hiện các giải pháp cần thiết để giảm thời gian Đăng ký sở hữu và sử dụng tài sản xuống còn 20 ngày; kiến nghị bãi bỏ hồ sơ thủ tục không cần thiết, đơn giản hóa nội dung hồ sơ, đơn giản hóa thủ tục; thực hiện kết nối điện tử liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận sở hữu công trình xây dựng với các thủ tục xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai.

c) Tiếp tục rà soát, sửa đổi các quy trình, thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo các quy định của pháp luật, bộ thủ tục hành chính do Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố để nâng cao hiệu quả, chất lượng thủ tục hành chính về đất đai, gồm:

- Đơn giản hóa thủ tục, giảm thời gian và chi phí thực hiện Đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Thực hiện thời gian đăng ký quyền sở hữu, sử dụng tài sản không quá 14 ngày.

- Chuẩn hóa bộ hồ sơ chuyên nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.

d) Tiếp tục thực hiện liên thông, kết nối điện tử trong giải quyết thủ tục hành chính về: cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; giao đất; cho thuê đất; đăng ký đất đai với các thủ tục xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai theo quy định của pháp luật, Đề án của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

9. Sở Công thương

a) Tiếp tục thực hiện đề án cải cách thủ tục hành chính theo cơ chế “một cửa” và duy trì áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2008 vào hoạt động của cơ quan; tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, công dân trong việc giải quyết thủ tục hành chính. Cập nhật thường xuyên, liên tục và nghiêm túc công khai quy trình, thủ tục, thời gian giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả.

b) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý nhà nước, giải quyết thủ tục hành chính. Triển khai hiệu quả Kế hoạch hành động số 681/KH-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2016 về thực hiện Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về chính phủ điện tử và Kế hoạch số 682/KH-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2016 về ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan nhà nước tỉnh Hải Dương giai đoạn 2016-2020. Bảo đảm 100% các quy trình thuộc hệ thống khi có văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) được kịp thời xây dựng, chỉnh sửa đúng quy định.

c) Ban hành kế hoạch cải cách hành chính năm 2018 và tổ chức triển khai thực hiện; phân công cụ thể cho các phòng ban, đơn vị thực hiện công tác cải cách hành chính theo lĩnh vực mình phụ trách; ban hành kế hoạch tuyên truyền CCHC và triển khai thực hiện 100% kế hoạch tuyên truyền, hình thức tuyên truyền đa dạng như: đưa tin bài trên Trang tin điện tử của Sở; bài viết trên Bản tin Kinh tế Công nghiệp và Thương mại Hải Dương; tuyên truyền, phổ biến tại các cuộc họp sơ kết, tổng kết của cơ quan; tuyên truyền cho tổ chức, cá nhân đến thực hiện thủ tục hành chính và lồng ghép tuyên truyền trong các buổi phổ biến, tuyên truyền các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý của ngành,...

d) Nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền về hội nhập quốc tế giúp các doanh nghiệp nắm bắt nhanh diễn biến thị trường, phân tích, dự báo để xây dựng chiến lược sản xuất kinh doanh và điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp; tích cực triển khai Kế hoạch hoạt động của Ban chỉ đạo thực hiện Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa; Ban chỉ đạo Hội nhập quốc tế tỉnh nhằm thực hiện tốt công tác Chiến lược xuất nhập khẩu, Hội nhập quốc tế; triển khai thực hiện tốt công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, cạnh tranh, chống độc quyền, chống bán phá giá.

đ) Phối hợp chặt chẽ với Bộ Công Thương để triển khai tới các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tham gia vào các chương trình, đề án; hỗ trợ phát triển

công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, chuyển giao công nghệ và các lĩnh vực công nghiệp ưu tiên khác do Bộ Công Thương chủ trì, sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ từ ngân sách của Trung ương.

e) Hỗ trợ doanh nghiệp trong tiếp cận, khai thác thông tin về thị trường. Tăng cường công tác dự báo giá cả hàng hóa thị trường, thường xuyên cập nhật và phổ biến kịp thời thông tin về thị trường thế giới, những thay đổi về chính sách giúp các doanh nghiệp, cá nhân nắm bắt nhanh diễn biến thị trường để chủ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh; làm tốt công tác quảng bá thương hiệu sản phẩm hàng hóa, tìm kiếm đối tác phát triển thị trường trong và ngoài nước góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển.

g) Tăng cường hiệu quả, hiệu lực của công tác quản lý thị trường; Đẩy mạnh công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường hàng hóa và xử lý vi phạm hành chính đối với việc vận chuyển, buôn bán hàng cấm, hàng nhập lậu, hàng giả, vi phạm bản quyền và gian lận thương mại... bảo đảm cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng nhằm tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp theo các cam kết WTO.

h) Chủ trì, phối hợp tổ chức có hiệu quả các chương trình xúc tiến thương mại tìm kiếm thị trường, cung cấp thông tin và hỗ trợ doanh nghiệp quảng bá thương hiệu, tham gia các Hội chợ thương mại trong nước và quốc tế... tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp tìm kiếm các cơ hội cho hoạt động sản xuất, xuất khẩu sản phẩm.

10. Sở Giao thông vận tải

a) Nghiên cứu, tham gia ý kiến đối với Nghị định quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô thay thế Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2014 nhằm cắt giảm các điều kiện kinh doanh không cần thiết, không phù hợp và không hiệu quả, tạo môi trường cạnh tranh công bằng giữa các doanh nghiệp.

b) Thường xuyên rà soát các TTHC, kịp thời đề xuất, kiến nghị loại bỏ các thủ tục bất hợp lý, gây khó khăn cho doanh nghiệp; thực hiện việc đơn giản hóa TTHC theo quy định pháp luật, cắt giảm thời gian thực hiện giải quyết TTHC, nâng cao tỷ lệ giải quyết TTHC qua mạng; thực hiện đấu thầu qua mạng theo chỉ đạo của Chính phủ và UBND tỉnh.

c) Thực hiện các giải pháp giảm chi phí vận tải như: rà soát, giảm chi phí cầu, đường, nhất là phí BOT; theo dõi việc cắt giảm chi phí logistics và cải thiện các chỉ số về năng lực cạnh tranh ngành logistics; chấn chỉnh tình trạng các hãng vận tải tùy tiện đưa ra các loại phí đối với hàng hóa xuất nhập khẩu; hỗ trợ các đơn vị vận tải thực hiện kết nối, chia sẻ thông tin giữa các chủ hàng, đơn vị vận tải để tăng tỷ lệ vận tải hai chiều, nâng cao hiệu quả của các đơn vị vận tải.

d) Tham mưu cho Bộ Giao thông vận tải trong việc hoàn thiện quy hoạch xây dựng cảng cạn (ICD) theo hướng cân đối giữa các vùng, cân đối hàng xuất khẩu và nhập khẩu, tăng tỷ lệ vận chuyển 2 chiều,... để hỗ trợ các chủ hàng giảm chi phí vận tải, giảm chi phí thông quan hàng hóa; nghiên cứu phát triển

vận tải thủy nội địa, từng bước xây dựng các cảng thủy nội địa có trang thiết bị hiện đại để kết nối vận chuyển về các cảng quốc tế ở Hải Phòng.

đ) Thực hiện đầu tư xây dựng mạng lưới đường giao thông theo quy hoạch tổng thể phát triển giao thông và phù hợp với nguồn lực của địa phương; nghiên cứu kiến nghị đầu tư mở rộng công trình giao thông, kho bãi, trung tâm logistics trên các tuyến đường, hành lang kết nối các cảng biển và cảng thủy nội địa.

e) Tiếp tục tuyên truyền đến các doanh nghiệp về hoạt động của sàn giao dịch vận tải do Bộ Giao thông Vận tải tổ chức; phối hợp tập huấn cho người làm công tác điều hành vận tải tại các doanh nghiệp.

g) Phối hợp với các ngành liên quan thực hiện thanh tra, kiểm tra tại các đơn vị, bảo đảm thanh tra, kiểm tra không quá 01 lần/đơn vị trong 1 năm.

11. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được quy định trong Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn; Nghị định số 132/2008/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa.

b) Theo dõi, đánh giá việc cải thiện các chỉ số về đổi mới sáng tạo; Tiếp tục tổ chức thực hiện Đề án "Phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Hải Dương giai đoạn 2017-2020" hỗ trợ cho các doanh nghiệp nâng cao nhận thức về sở hữu trí tuệ thông qua việc tập huấn, tuyên truyền trên báo, tạp chí, trang tin điện tử.

c) Thực hiện tư vấn, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp cho các doanh nghiệp, cá nhân có nhu cầu đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp, sáng chế, giải pháp hữu ích, chỉ dẫn địa lý hoặc nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận; Hỗ trợ cung cấp thông tin và tra cứu sơ bộ nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp, chỉ dẫn địa lý, sáng chế, giải pháp hữu ích cho các đơn vị có nhu cầu đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp; hỗ trợ kinh phí xác lập quyền sở hữu công nghiệp cho các sản phẩm, nhóm sản phẩm, dịch vụ, kiểu dáng.

d) Xây dựng, quản lý, khai thác và phát triển giá trị tài sản trí tuệ cho các sản phẩm nông sản, sản phẩm chủ yếu của tỉnh. Quảng bá thương hiệu nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh. Nâng cao năng lực quản lý, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

đ) Thực hiện tốt Kế hoạch triển khai xây dựng, áp dụng, duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước từ cấp xã trở lên; tiếp tục thực hiện Đề án "Nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hoá cho các doanh nghiệp tỉnh Hải Dương giai đoạn 2013-2020" để tuyên truyền nâng cao năng suất, chất lượng, những điển hình về năng suất, chất lượng qua việc hội thảo, tập

huấn về năng suất, chất lượng cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; phóng sự và toạ đàm về năng suất chất lượng phát trên Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh... Hỗ trợ các đơn vị, doanh nghiệp tích hợp các hệ thống quản lý chất lượng. Hỗ trợ trực tiếp cho doanh nghiệp tham gia giải thưởng chất lượng quốc gia; đăng ký mã số, mã vạch; chứng nhận hệ thống quản lý, chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy; hỗ trợ xây dựng tiêu chuẩn cơ sở cho một số sản phẩm của các doanh nghiệp.

e) Nghiên cứu nâng cấp, đổi mới công nghệ, thiết bị; nâng cao chất lượng sản phẩm, tạo ra sản phẩm mới trong các doanh nghiệp, cơ sở tiểu thủ công nghiệp và làng nghề; thúc đẩy phát triển các sản phẩm công nghiệp chủ lực và công nghiệp hỗ trợ. Hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến theo tiêu chuẩn quốc tế, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

g) Khuyến khích thành lập các doanh nghiệp, tổ chức khoa học công nghệ hoạt động theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm để nâng cao hiệu quả hoạt động chuyển giao công nghệ mới cho các doanh nghiệp; Đẩy mạnh hợp tác với các tổ chức khoa học công nghệ, các doanh nghiệp trong và ngoài nước để đầu tư phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế của tỉnh.

h) Tăng cường tuyên truyền để thực hiện nghiêm pháp luật về sở hữu trí tuệ. Có cơ chế khuyến khích, thúc đẩy các doanh nghiệp tham gia các hội chợ công nghệ, chuyển giao công nghệ, tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo hướng hỗ trợ hiệu quả cho việc vận hành thị trường khoa học và công nghệ; xây dựng thương hiệu và thương mại hóa sản phẩm.

i) Tăng cường liên kết giữa tổ chức khoa học công nghệ với doanh nghiệp trong việc thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng, đổi mới công nghệ, đào tạo nhân lực.

12. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Thực hiện việc rà soát sự cần thiết, tính hợp lý, hợp pháp, tính toán chi phí tuân thủ TTHC thuộc 02 lĩnh vực theo yêu cầu tại Quyết định số 643/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2018 của UBND tỉnh về ban hành kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2018 trên địa bàn tỉnh Hải Dương; công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực du lịch thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở, căn cứ Quyết định số 1333/QĐ-BVHTTDL ngày 14 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực du lịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

b) Triển khai thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ qua phần mềm trực tuyến theo Công văn số 2302/UBND-VP ngày 08 tháng 8 năm 2017 của UBND tỉnh Hải Dương về việc tăng cường triển khai thực hiện các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 trên địa bàn tỉnh Hải Dương; triển khai tiếp nhận hồ sơ và trả kết

quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích theo Kế hoạch số 1573/KH-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.

c) Công khai đường dây nóng, hỏi đáp trực tuyến trên trang thông tin điện tử của cơ quan để tiếp nhận phản ánh, hướng dẫn và giải đáp cho doanh nghiệp; Phân công công chức có phẩm chất đạo đức, chuyên môn phù hợp để giải quyết TTHC của các lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và gia đình.

d) Theo dõi, đánh giá việc cải thiện các chỉ số về năng lực cạnh tranh ngành du lịch; nghiên cứu, phát triển sản phẩm du lịch chủ đạo như du lịch văn hóa, du lịch sinh thái, định vị điểm đến nghỉ dưỡng có sức hấp dẫn cao. Mở rộng phát triển các sản phẩm du lịch mới, có tiềm năng như du lịch cộng đồng, du lịch vui chơi giải trí, công viên chuyên đề, tham dự sự kiện, trình diễn nghệ thuật; phát triển hạ tầng du lịch, cơ sở lưu trú có chất lượng cao và nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch.

đ) Tăng cường đào tạo và phát triển nguồn nhân lực du lịch, gồm nhân lực quản lý, quản trị và lao động nghề; phát triển đội ngũ giáo viên, giảng viên và đào tạo viên du lịch; xây dựng chính sách khuyến khích các doanh nghiệp tham gia đào tạo nguồn nhân lực du lịch. Khuyến khích việc đào tạo tại doanh nghiệp du lịch, các cơ sở đào tạo ngoài công lập và các cơ sở có vốn đầu tư nước ngoài.

e) Rà soát các quy định pháp luật về du lịch và dịch vụ liên quan; kiến nghị bãi bỏ các quy định không hợp lý, không còn phù hợp; thực hiện cải cách mạnh mẽ các thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp tham gia kinh doanh các loại hình du lịch, dịch vụ; nghiên cứu, đề xuất các chính sách ưu đãi đầu tư đối với phát triển hạ tầng du lịch.

13. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền về các chính sách của Đảng và Nhà nước đối với lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp tới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp và người lao động bằng nhiều hình thức. Đặc biệt thông tin tuyên truyền về hợp tác giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp trong giáo dục nghề nghiệp, cũng như cung cấp đầy đủ thông tin cho các doanh nghiệp về khả năng đào tạo của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

b) Tiếp tục củng cố và phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn; rà soát, sắp xếp tổ chức lại hệ thống các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đồng thời thực hiện quy hoạch lại mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh; tăng cường huy động nguồn lực, đầu tư phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là các cơ sở giáo dục nghề nghiệp được lựa chọn đầu tư các nghề trọng điểm, các ngành nghề có nhu cầu sử dụng lao động cao.

c) Tăng cường sự phối hợp giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp trong công tác đào tạo nghiệp. Đồng thời thực hiện khảo sát đánh giá nguồn lao động và nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh để có kế hoạch đào tạo phù hợp với yêu cầu; chú trọng đào tạo có địa chỉ, theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp; tăng cường công tác quản lý nhà nước về

giáo dục nghề nghiệp thông qua các hoạt động tuyên truyền, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

d) Thường xuyên thông báo công khai kết quả, chất lượng, ngành nghề, loại hình, số lượng lao động ở địa phương trên phương tiện thông tin đại chúng để doanh nghiệp biết tuyển dụng; tập huấn, hướng dẫn cho người sử dụng lao động, người lao động tại doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh về các chính sách, quy định của pháp luật, xây dựng mối quan hệ hài hòa ổn định trong các doanh nghiệp.

đ) Tiếp tục rà soát các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực đơn vị quản lý; kiến nghị cơ quan có thẩm quyền bãi bỏ, sửa đổi các quy trình, thủ tục bất hợp lý, nhất là về quy trình thủ tục cấp phép cho người lao động nước ngoài, bảo đảm thuận lợi cho các nhà đầu tư và công tác quản lý người lao động nước ngoài trên địa bàn tỉnh.

e) Đa dạng hóa các hình thức, phương pháp và tăng cường chia sẻ thông tin thị trường lao động nhằm đáp ứng nhu cầu tuyển lao động, tìm kiếm việc làm, dự báo và đào tạo nguồn nhân lực của thị trường lao động.

14. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Tổ chức thực hiện nghiêm túc nội dung và nhiệm vụ chương trình CCHC nhà nước của UBND tỉnh năm 2018. Tiếp tục thực hiện cải tiến phương thức, lề lối làm việc đáp ứng yêu cầu nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý ngành giáo dục; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất và năng lực đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục. Nâng cao hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền về nội dung cải cách hành chính nhà nước trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo; tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, chỉ đạo, điều hành cơ quan, đơn vị ngành giáo dục.

b) Hoàn thiện chính sách nâng cao chất lượng của các cơ sở giáo dục đào tạo; xây dựng cơ chế và thúc đẩy hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục; mở rộng quyền tự chủ tuyển sinh, tự chủ tài chính, tự chủ về Chương trình, nội dung đào tạo và khảo thí cho các cơ sở giáo dục đào tạo; tạo điều kiện thuận lợi cung ứng dịch vụ giáo dục đào tạo theo cơ chế thị trường gắn với việc kiểm soát chặt chẽ chất lượng và đầu ra.

15. Chi cục Hải quan Hải Dương

a) Chủ động nghiên cứu, tham gia ý kiến sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến thủ tục hải quan, chế độ kiểm tra giám sát hải quan; nghiên cứu, rà soát danh mục hàng hóa thuộc diện kiểm tra chuyên ngành, trên cơ sở đó kiến nghị danh mục các mặt hàng kiểm tra chuyên ngành cần cắt giảm; nghiên cứu đề xuất, kiến nghị cắt giảm ít nhất 50% danh mục hàng hóa, sản phẩm phải kiểm tra chuyên ngành trong từng lĩnh vực trong năm 2018.

b) Tích cực triển khai kiểm soát TTHC, đơn giản hóa thủ tục hành chính tạo điều kiện cho hoạt động xuất nhập khẩu; phối hợp chặt chẽ với Ban chỉ đạo

ISO của Cục để hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị thực hiện nhằm áp dụng, duy trì hiệu quả đồng thời cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001: 2008, phục vụ tốt cho cộng đồng doanh nghiệp.

c) Tiếp tục ứng dụng có hiệu quả công nghệ thông tin vào hoạt động nghiệp vụ hải quan; triển khai thực hiện dịch vụ công trực tuyến; thực hiện quản lý thông tin và điều hành công việc qua mạng trên hệ thống Cloud Office nhằm xây dựng mô hình văn phòng điện tử toàn diện, hiện đại, không giấy tờ; quản lý và điều hành công việc mọi lúc mọi nơi, kịp thời và nhanh chóng.

d) Nâng cao công tác quản lý rủi ro trong môi trường hải quan điện tử VNACCS/VCIS: Áp dụng quản lý rủi ro trong công tác quản lý đối với doanh nghiệp gia công, doanh nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu, doanh nghiệp chế xuất. Lựa chọn, quản lý doanh nghiệp trọng điểm theo từng lĩnh vực rủi ro với mục tiêu vừa tạo thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu, góp phần thu hút đầu tư nước ngoài, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế vừa bảo đảm mục tiêu quản lý nhà nước về hải quan.

đ) Tăng cường tuyên truyền về pháp luật Hải quan, tư vấn nghiệp vụ cho doanh nghiệp. Phân công công chức có trình độ chuyên môn và phẩm chất đạo đức tốt để hướng dẫn thủ tục và trực tiếp xử lý các vướng mắc cho các doanh nghiệp mới về làm thủ tục tại Chi cục; thông báo và hướng dẫn cho doanh nghiệp nộp thuế dưới dạng tờ rơi, niêm yết công khai tại đơn vị; lập đường dây nóng giữa Hải quan, Kho bạc và Ngân hàng để xử lý các trường hợp vướng mắc, khi đường truyền trực trực... để giải quyết kịp thời, tạo điều kiện thuận lợi tối đa thông quan hàng hóa cho doanh nghiệp.

e) Tăng cường chấn chỉnh kỷ cương, kỷ luật công chức, viên chức; xây dựng lực lượng hải quan trong sạch, vững mạnh, chuyên nghiệp, hiện đại, hoạt động minh bạch, hiệu quả; thường xuyên tổ chức quán triệt, giáo dục kiến thức pháp luật nhằm nâng cao nhận thức cho công chức, viên chức về công tác phòng chống tiêu cực, chống tham nhũng; tiếp tục duy trì kỷ cương, kỷ luật hành chính trong thực thi nhiệm vụ, phòng chống các biểu hiện tiêu cực; tổ chức thực hiện Quy định về văn hóa ứng xử của công chức, viên chức Hải quan, thực hiện có hiệu quả phương châm giao tiếp của công chức, viên chức Cục Hải quan Hải Phòng "Tận tình hướng dẫn - Thái độ lịch sự - Tác phong nhanh nhẹn".

g) Tăng cường công tác đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ tại chỗ cho công chức, viên chức; xây dựng kế hoạch và tổ chức đào tạo lực lượng cán bộ, công chức nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, từng bước đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quản lý hải quan hiện đại.

16. Cục Thuế tỉnh

a) Tiếp tục nghiên cứu, rà soát các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực thuế; kiến nghị sửa đổi, bổ sung những quy định, những cơ chế chính sách không phù hợp, thiếu tính khả thi làm cản trở đến hoạt động và sự phát triển của doanh nghiệp.

b) Tiếp tục thực hiện việc giải quyết TTHC theo tiêu chuẩn Việt Nam ISO 9001:2008 bảo đảm mục tiêu chất lượng và chính sách chất lượng đã đề ra. Tiếp tục thực hiện các giải pháp cải thiện chỉ số nộp thuế theo mục tiêu đề ra, rút ngắn thời gian hoàn thành thủ tục nộp thuế tối đa 117 giờ; công khai cơ sở dữ liệu về hoàn thuế, bảo đảm kiểm tra 100% hồ sơ hoàn thuế thuộc diện phải kiểm tra, bảo đảm 100% hồ sơ khiếu nại của người nộp thuế được giải quyết đúng thời gian quy định; công khai, minh bạch các quy định của Luật Quản lý thuế, các quy trình thanh tra, giải quyết khiếu nại và hoàn thuế giá trị gia tăng.

c) Phát triển hệ thống dịch vụ hỗ trợ và đa dạng hóa các hình thức hỗ trợ cho người nộp thuế; các văn bản, biểu mẫu thông tin và quy định mới phải được cập nhật đầy đủ, kịp thời lên trang thông tin điện tử của ngành để các doanh nghiệp và người dân có thể tìm hiểu và trao đổi thông tin theo nhu cầu.

d) Duy trì việc tổ chức đối thoại định kỳ hàng tháng với doanh nghiệp, nắm bắt và giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc và ý kiến đóng góp, kiến nghị của người nộp thuế.

17. Bảo hiểm xã hội tỉnh

a) Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong thực hiện chính sách BHXH, BHYT, BH thất nghiệp; giải quyết kịp thời, đúng chính sách các chế độ đối với người tham gia và thụ hưởng các chế độ BHXH, BHYT, BH thất nghiệp; tiếp tục thực hiện có hiệu quả cải cách thủ tục hành chính theo mô hình cơ chế "một cửa" liên thông, luân chuyển hồ sơ qua hệ thống Bưu điện, nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các tổ chức và cá nhân tham gia BHXH, BHYT. Các thủ tục, hồ sơ, quy trình thực hiện BHXH, BHYT được công khai tại BHXH tỉnh và BHXH huyện; việc tư vấn, hướng dẫn các tổ chức và cá nhân đến liên hệ công việc tại cơ quan BHXH chu đáo, tận tình. Cấp mã số BHXH, mỗi người có mã số duy nhất để cấp sổ BHXH, cấp thẻ BHYT, tránh tình trạng cấp trùng sổ BHXH, thẻ BHYT nhằm nâng cao chất lượng phục vụ, đáp ứng sự hài lòng của người tham gia và thụ hưởng các chế độ BHXH, BHYT.

b) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, thực hiện nghiệp vụ chuyên môn, từng bước hiện đại hoá ngành, nhằm góp phần vào công cuộc cải cách hành chính của ngành BHXH, tạo ra sự thông thoáng, thuận lợi cho đơn vị và cá nhân đến giao dịch, nâng cao chất lượng quản lý, điều hành và năng suất làm việc của cán bộ. Triển khai phần mềm giao dịch điện tử iBHXH đến các đơn vị sử dụng lao động; phần mềm giám định BHYT đến tất cả các cơ sở KCB BHYT trên địa bàn tỉnh.

c) Chủ động triển khai và hướng dẫn thực hiện giải quyết chế độ BHXH đến các đơn vị sử dụng lao động, người tham gia và thụ hưởng chế độ BHXH, đặc biệt thực hiện Luật BHXH sửa đổi năm 2016 với việc sửa đổi, bổ sung nhiều điểm mới về chế độ, chính sách, điều kiện được hưởng, chuyển việc tiếp nhận hồ sơ và giải quyết chế độ ốm đau, thai sản, dưỡng sức phục hồi sức khỏe do cơ quan BHXH giải quyết thay cho đơn vị. Tinh giản thủ tục hồ sơ, thay đổi quy trình giải quyết theo hướng thuận tiện cho người lao động. Công tác giải

quyết chế độ BHXH luôn bảo đảm chính xác, kịp thời, đúng chế độ, đúng quyền lợi và thuận lợi cho người được hưởng. không để xảy ra ý kiến phản ánh về công tác giải quyết chế độ cho người lao động.

d) BHXH tỉnh chủ động phối hợp với các Sở, Ngành tham mưu cho tỉnh đưa nội dung thanh tra việc chấp hành chính sách BHXH, BHYT vào chương trình thanh tra do UBND tỉnh quyết định hàng năm; phối hợp với Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Thanh tra tỉnh cùng tổ chức các cuộc thanh tra tại các đơn vị SDLĐ; phối hợp Sở Y tế thanh tra, kiểm tra công tác khám, chữa bệnh BHYT tại các cơ sở KCB. Tuyên truyền, hướng dẫn cho các đơn vị và người lao động về BHXH, BHYT để hiểu biết về chính sách, pháp luật về BHXH, BHYT. Công tác giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo và tiếp dân thực hiện kịp thời, đúng quy định, không để đơn thư tồn đọng, kéo dài.

18. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh Hải Dương

a) Bám sát các chỉ đạo của Chính phủ, giải pháp điều hành chính sách tiền tệ của NHNN Việt Nam để chỉ đạo, điều hành hoạt động ngân hàng và ngoại hối trên địa bàn; tổ chức phổ biến, tuyên truyền và triển khai kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước, văn bản chỉ đạo, điều hành của Thống đốc về tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối đến các TCTD, các tổ chức khác và người dân.

b) Đẩy mạnh cải cách hành chính, trong đó thường xuyên rà soát, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008; sửa đổi, bổ sung các quy trình giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Chi nhánh; tiếp tục rút ngắn thời gian giải quyết TTHC; tiếp tục nâng chất lượng đội ngũ công chức, rà soát, sắp xếp theo Đề án vị trí việc làm; tăng cường kỷ luật, kỷ cương, phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp công chức gây khó khăn, những nhiễu doanh nghiệp.

c) Tích cực tham gia các chương trình đối thoại với người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh nhằm nắm bắt, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, nhất là những khó khăn, vướng mắc thuộc trách nhiệm giải quyết của ngành Ngân hàng; Thực hiện hiệu quả các giải pháp cải thiện và minh bạch hóa thông tin tín dụng, tạo điều kiện cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế được bình đẳng và thuận lợi trong việc tiếp cận vốn tín dụng theo cơ chế thị trường

d) Tăng cường các biện pháp nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra kết hợp giám sát từ xa bảo đảm hoạt động của các TCTD theo đúng quy định của pháp luật, giữ an toàn hệ thống, bảo đảm hoạt động ngoại hối và vàng trên địa bàn ổn định; thực hiện tốt công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo.

đ) Tiếp tục phối hợp với các Sở, ngành liên quan thực hiện các biện pháp tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường, giao dịch vay vốn, đăng ký giao dịch bảo đảm, thanh toán qua ngân hàng; đặc biệt là chương trình kết nối ngân hàng - doanh nghiệp; các chương trình tín dụng

liên kết 4 nhà trong xây dựng, trong nông nghiệp; các mô hình sản xuất và ứng dụng khoa học, công nghệ cao, chuỗi sản phẩm xuất khẩu, sản phẩm sạch...

e) Đẩy mạnh cải cách, đơn giản hóa và hiện đại hóa thủ tục hành chính; thường xuyên rà soát, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008; công khai hóa các TTHC tại trụ sở cơ quan; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin; thực hiện hiệu quả cơ chế một cửa; bố trí, sắp xếp công chức có năng lực, trách nhiệm trong tiếp nhận, xử lý các TTHC.

19. Công an tỉnh

a) Tiếp tục thực hiện việc đơn giản hóa và rút ngắn thời gian giải quyết các thủ tục hành chính, tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân nhất là các thủ tục có liên quan đến hoạt động xuất nhập cảnh, cư trú của lao động nước ngoài; thủ tục về phòng cháy, chữa cháy, ngành nghề kinh doanh có điều kiện, lĩnh vực giao thông, môi trường...

b) Thực hiện công khai, minh bạch, niêm yết các quy trình, thủ tục hành chính, các văn bản quy phạm pháp luật tại trụ sở làm việc của các đơn vị,... để các nhà đầu tư, doanh nghiệp và nhân dân được dễ dàng tiếp cận và tìm hiểu các thông tin cần thiết. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong tiếp nhận, giải quyết các thủ tục hành chính nhằm giảm bớt phiền hà, tiết kiệm thời gian cho doanh nghiệp.

c) Tăng cường công tác phối hợp và đề cao tinh thần trách nhiệm cá nhân trong việc phối hợp trong Công an tỉnh, giữa Công an tỉnh với các Sở, ban, ngành của tỉnh giải quyết các thủ tục hành chính và xử lý những khó khăn, vướng mắc của các doanh nghiệp. Nâng cao ý thức kỷ cương, trách nhiệm, cải tiến tác phong, lề lối làm việc của cán bộ, chiến sĩ, đặc biệt là lực lượng thường xuyên tiếp xúc, làm việc với doanh nghiệp.

d) Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác thanh, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo của doanh nghiệp. Phối hợp với các Sở, ban, ngành trong công tác thanh, kiểm tra tránh để chồng chéo, gây phiền hà cho doanh nghiệp. Chủ động tiếp nhận thông tin và kịp thời giải quyết các vụ việc về an ninh trật tự xảy ra tại doanh nghiệp. Không hình sự hóa các quan hệ kinh tế, dân sự.

đ) Tăng cường các biện pháp công tác, nắm tình hình, kịp thời phát hiện những vấn đề liên quan, tác động, ảnh hưởng đến chủ trương phát triển kinh tế, môi trường kinh doanh của tỉnh. Chủ động triển khai các kế hoạch nghiệp vụ, đấu tranh chuyên án nhằm nắm chắc mọi tình hình liên quan đến an ninh chính trị nội bộ, an ninh kinh tế và trật tự, an toàn xã hội trong quá trình triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế trong quá trình hội nhập.

e) Nâng cao hiệu quả công tác xác minh, điều tra các vụ án, giải quyết các vụ việc về an ninh trật tự xảy ra tại doanh nghiệp. Hạn chế thấp nhất điều kiện phát sinh các loại tội phạm, tạo môi trường an ninh, an toàn phục vụ thực hiện các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, môi trường đầu tư kinh doanh trong tình hình mới.

20. Thanh tra Tỉnh

a) Triển khai thực hiện và hoàn thành 100% các cuộc thanh tra theo kế hoạch đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt. Chú trọng nâng cao chất lượng các cuộc thanh tra, bảo đảm kết luận, kiến nghị chính xác, khách quan và có tính khả thi nhằm tăng cường hiệu lực, hiệu quả trong việc thực hiện kết luận, kiến nghị và quyết định xử lý về thanh tra.

b) Theo dõi, kiểm tra các Sở, ngành, địa phương triển khai thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra; khắc phục chùng chéo trong hoạt động thanh tra, kiểm tra của các cơ quan, đơn vị theo đúng Chỉ thị số. 16/CT-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về chấn chỉnh công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; phối hợp với các Sở, ngành trong việc định hướng xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra hằng năm đối với doanh nghiệp, nhằm giảm tối đa số lần thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, nhất là hoạt động thanh tra, kiểm tra chuyên ngành.

c) Đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động chỉ đạo, điều hành và các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của ngành thanh tra; tiếp tục áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Mô hình khung Tiêu chuẩn TCVN 9001:2008 vào các hoạt động của cơ quan; Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành, giải quyết thủ tục hành chính. Triển khai áp dụng hiệu quả phần mềm "Quản lý khiếu nại, tố cáo tại Thanh tra tỉnh, các Sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố". Thường xuyên cập nhật thông tin và nâng cao chất lượng cổng thông tin điện tử Thanh tra tỉnh.

21. Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh

a) Chỉ đạo và tích cực triển khai có hiệu quả việc thực hiện Quyết định số 07/2016/QĐ-UBND ngày 29 tháng 4 năm 2016 của UBND tỉnh về tổ chức và thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2016 của UBND tỉnh ban hành quy định trách nhiệm người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước về thực hiện công tác cải cách hành chính và Quyết định số 624/QĐ-KCN ngày 08 tháng 6 năm 2016 của Trưởng ban Ban Quản lý các khu công nghiệp về việc ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả và thực hiện cơ chế một cửa tại Ban.

b) Thực hiện công khai các quy trình, các TTHC đang áp dụng tại Ban, áp dụng hiệu quả Hệ thống quản lý chất lượng ISO vào hoạt động của cơ quan; tổ chức thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông; ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC, cung ứng dịch vụ công trực tuyến; chia sẻ cơ sở dữ liệu thông tin phục vụ quản lý nhà nước. Xây dựng các quy trình thực hiện dịch vụ công trực tuyến; phấn đấu đến hết năm 2018 đạt 40% dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 3 và 10% dịch vụ công được cung cấp trực tuyến ở mức độ 4; đến năm 2020 đạt 70% dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 3, 10% dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 4.

c) Rà soát và tham mưu cho các cấp lãnh đạo bãi bỏ những điều kiện đầu tư, kinh doanh không còn phù hợp, tuyệt đối không ban hành bất cứ điều kiện đầu tư, kinh doanh mới, trái quy định pháp luật, ban hành không đúng thẩm quyền gây khó khăn cho nhà đầu tư, doanh nghiệp trong thực thi, bảo đảm sự cần thiết, hiệu lực, hiệu quả trong quản lý nhà nước.

d) Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra đồng bộ, tránh chồng chéo, gây ảnh hưởng tới hoạt động doanh nghiệp, thực hiện đúng tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về công tác thanh tra doanh nghiệp; bảo đảm quyền bình đẳng của doanh nghiệp trước pháp luật; tổ chức kiểm tra theo đúng quy định của pháp luật (không quá một lần/năm); phối hợp thanh tra, kiểm tra liên ngành nhiều nội dung trong một đợt thanh tra, kiểm tra, trừ trường hợp thanh tra, kiểm tra đột xuất khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật rõ ràng; hướng dẫn các doanh nghiệp trong KCN đầu tư, sản xuất kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật.

đ) Nghiên cứu hỗ trợ các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ logistics khép kín tại các KCN nhằm hỗ trợ doanh nghiệp rút ngắn thời gian, chi phí giao nhận nguyên vật liệu và sản phẩm.

22. Công ty TNHH Một thành viên Điện lực Hải Dương

a) Xây dựng phương án bảo đảm cung ứng điện ổn định phục vụ sản xuất và sinh hoạt của nhân dân, doanh nghiệp; thực hiện vận hành hệ thống điện an toàn, ổn định, liên tục. Giảm tối đa sự cố lưới điện, nâng cao chất lượng điện cho các khách hàng dùng điện, từng bước hoàn thiện lưới điện thông minh.

b) Tổ chức thực hiện hiệu quả Thông tư số 24/2016/TT-BCT ngày 3 tháng 11 năm 2016 của Bộ Công Thương về rút ngắn thời gian tiếp cận điện năng. Thực hiện tốt các đề án khuyến công quốc gia và địa phương để đổi mới và cụ thể hoá các chính sách khuyến khích; ưu đãi đầu tư, chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp; ứng dụng công nghệ thông tin trong cung cấp dịch vụ, đẩy mạnh thanh toán dịch vụ điện qua ngân hàng.

c) Tiếp tục theo dõi, đánh giá và giám sát việc cải thiện chỉ số tiếp cận điện năng; nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng phấn đấu chỉ số tiếp cận điện năng năm 2018 không quá 10 ngày (giảm 25 ngày), đến năm 2020 không quá 9 ngày, góp phần cải thiện các chỉ tiêu về môi trường kinh doanh đạt trung bình của nhóm nước ASEAN 4.

23. Các Sở, ngành khác có liên quan:

Căn cứ chức năng nhiệm vụ cụ thể của Sở, ngành mình và nội dung của Nghị quyết 19-2018/NQ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ, nghiêm túc triển khai các công việc nhằm triển khai có hiệu quả tinh thần của Nghị quyết và góp phần cải thiện môi trường đầu tư và nâng cao chỉ số PCI của tỉnh.

24. UBND các huyện, thành phố, thị xã

a) Tiếp tục rà soát các TTHC, kiến nghị sửa đổi, bãi bỏ các quy định, các thủ tục không cần thiết, gây khó khăn, cản trở cho doanh nghiệp và người dân trong thực hiện. Thường xuyên quan tâm, đồng hành, nắm bắt và tháo gỡ những

khó khăn, vướng mắc cho các doanh nghiệp; kịp thời báo cáo cơ quan cấp trên giải quyết những vấn đề khó khăn phát sinh, không thuộc thẩm quyền giải quyết; tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho các doanh nghiệp trên địa bàn thực hiện đầu tư, hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

b) Chịu trách nhiệm về tiến độ triển khai thực hiện các thủ tục về đất đai, về công tác bồi thường và giải phóng mặt bằng trên địa bàn. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền vận động, thực hiện chính sách đền bù thỏa đáng, đúng pháp luật và tạo sự đồng thuận của người dân ngay từ khi triển khai thực hiện các dự án. Giải quyết dứt điểm các vụ khiếu nại, tố cáo liên quan đến đền bù giải phóng mặt bằng, bảo đảm công bằng và hợp lý, không để bức xúc trong người dân và dư luận.

25. Các Hiệp hội doanh nghiệp, Hiệp hội doanh nghiệp vừa và nhỏ, Hiệp hội ngành nghề

a) Thường xuyên nắm bắt và tổng hợp những ý kiến của các doanh nghiệp về các cơ chế chính sách, các văn bản quy phạm pháp luật của Đảng và Nhà nước. Tổng hợp và phản ánh những khó khăn, vướng mắc trong thực hiện các TTHC của các doanh nghiệp, trong thực hiện các dự án đầu tư, sản xuất kinh doanh với các cơ quan có thẩm quyền của Tỉnh nhằm giải quyết và tháo gỡ kịp thời, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho doanh nghiệp.

b) Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất những sáng kiến cải cách cơ chế, chính sách, thủ tục hành chính; đánh giá việc thực hiện cắt, giảm, đơn giản hóa thủ tục kiểm tra chuyên ngành, điều kiện kinh doanh và chi phí cho doanh nghiệp của các Sở, ngành, địa phương; tham mưu tổ chức có hiệu quả hội nghị đối thoại giữa các cơ quan nhà nước với cộng đồng doanh nghiệp về khó khăn, vướng mắc trong thực hiện quy định, thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, đầu tư thương mại.

c) Phối hợp với các Sở, ngành địa phương triển khai thực hiện các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp, xây dựng chiến lược cạnh tranh, áp dụng khoa học công nghệ, nâng cao năng suất, xây dựng thương hiệu, thực hiện tốt trách nhiệm xã hội nhằm từng bước cải thiện trình độ kinh doanh và năng lực cạnh tranh của cộng đồng doanh nghiệp, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của Tỉnh.

d) Phối hợp với các Sở, ngành và các cơ quan có liên quan lập các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng chiến lược cạnh tranh, áp dụng khoa học công nghệ, nâng cao năng suất, xây dựng thương hiệu, thực hiện tốt trách nhiệm xã hội. Hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện các chương trình phát triển bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh và tăng cường hội nhập quốc tế.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Yêu cầu Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã, thủ trưởng các đơn vị nghiêm túc tổ chức quán triệt, xây dựng kế hoạch để triển khai cụ thể các nội dung nêu trong Kế hoạch hành động này, trong đó xác định rõ trách nhiệm của từng tổ chức, đơn vị trực thuộc và tiến độ thực hiện đối với từng nhiệm vụ, tổ chức thực hiện đến tất cả cán bộ, công chức,

viên chức, người lao động trong cơ quan, đơn vị (Thời gian hoàn thành trước ngày **15 tháng 6 năm 2018**). Thường xuyên kiểm tra, giám sát tiến độ, tổng hợp và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện kế hoạch hành động của đơn vị mình.

2. Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã, các đơn vị định kỳ hàng Quý, 6 tháng, 1 năm báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch hành động về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

3. Giao Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh về việc bố trí, cân đối kinh phí thực hiện các nội dung, chương trình trong Kế hoạch hành động cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh Hải Dương.

4. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, UBND cấp huyện báo cáo đánh giá về tình hình triển khai và kết quả thực hiện các Nghị quyết số 19 về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia trên địa bàn tỉnh. **Trước ngày 15 của tháng cuối Quý và trước ngày 15 tháng 12**, tổng hợp báo cáo, đánh giá tình hình triển khai và kết quả thực hiện trong Quý và cả năm gửi UBND tỉnh, Văn phòng Chính phủ và Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Đề xuất với UBND tỉnh giải quyết những vấn đề vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện. *[Handwritten signature]*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Dương Thái

PHỤ LỤC
CÁC NHIỆM VỤ CẦN TRIỂN KHAI, CẢI THIỆN NĂM 2018

TT	Các nhiệm vụ cụ thể	Kết quả hiện tại	Mục tiêu 2018	Cơ quan chủ trì/ phối hợp
1	Tổ chức đối thoại công khai định kỳ ít nhất hai lần/năm với cộng đồng doanh nghiệp, báo chí để kịp thời nắm bắt và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp trên địa bàn	01 lần/năm	02 lần/năm	Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành và địa phương tham mưu cho UBND tỉnh triển khai vào Quý 2 và Quý 4
2	Rút ngắn thời gian thành lập doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể	Theo quy định 03 ngày làm việc. Hiện tại thực hiện 02 ngày làm việc	Tối đa 02 ngày làm việc	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư; Phòng TC-KH các huyện, thị xã, thành phố
3	<ul style="list-style-type: none"> - Quán triệt công chức, viên chức về đạo đức công vụ, cải cách hành chính; chống quan liêu, tham nhũng, sách nhiễu; tinh thần chính quyền phục vụ và hỗ trợ doanh nghiệp; - Công khai quy trình và cán bộ có trách nhiệm xử lý hồ sơ, tăng cường thanh tra công vụ; kiên quyết xử lý các cán bộ vi phạm quy trình xử lý hồ sơ, gây phiền hà cho doanh nghiệp. 	Thường xuyên	Thường xuyên	Tất cả các Sở, ban, ngành, địa phương.
4	- Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư (thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh)	<ul style="list-style-type: none"> - 10 ngày làm việc (Dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư) - 30 ngày làm việc (Dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư) 	<ul style="list-style-type: none"> - 7 ngày làm việc (Dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư) - 18 ngày làm việc (Dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư) 	Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với các Sở, ban, ngành, địa phương có liên quan

5	Cấp Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư (thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh)	- 7 ngày làm việc (Dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư) - 25 ngày làm việc (Dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư)	- 5 ngày làm việc (Dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư) - 14 ngày làm việc (Dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư)	Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, địa phương có liên quan
6	Cấp phép xây dựng (trong đó bao gồm cả thẩm định thiết kế cơ sở và thẩm định thiết kế kỹ thuật)	72 ngày làm việc	63 ngày làm việc	Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương có liên quan
7	Thẩm duyệt phòng cháy, chữa cháy	25 ngày làm việc	20 ngày làm việc	Công an tỉnh
8	Thực hiện đăng ký quyền sở hữu tài sản sau hoàn công, sử dụng tài sản	25 ngày làm việc	Không quá 14 ngày làm việc	Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp Sở Xây dựng; UBND các huyện thành phố, thị xã
9	Thời gian giải quyết tranh chấp hợp đồng	300 ngày làm việc	Không quá 200 ngày làm việc	Tòa án các cấp theo phân cấp chủ trì; phối hợp với Sở Tư pháp và các Sở, ban, ngành, địa phương
10	Thời gian giải quyết phá sản doanh nghiệp	50 tháng	Không quá 24 tháng	Tòa án các cấp theo phân cấp chủ trì; phối hợp với Sở Tư pháp và các ngành, địa phương
11	Các chỉ tiêu hoàn thuế, quản lý rủi ro trong thanh tra, kiểm tra thuế, thời gian và kết quả xử lý khiếu nại về thuế		Đạt trung bình của nhóm nước ASEAN 4	Cục thuế tỉnh chủ trì, phối hợp với các ngành và địa phương có liên quan
12	Bảo đảm hồ sơ thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp được giải quyết đúng và sớm hẹn; 100% trường hợp trễ hẹn đều có văn bản giải thích lý do hoặc xin lỗi doanh nghiệp	Thường xuyên	Thường xuyên	Tất cả các Sở, ban, ngành và địa phương

13	Đơn giản hóa thủ tục, rút ngắn thời gian Tiếp cận điện năng	30 ngày làm việc	Tối đa 10 ngày làm việc; đến năm 2020 tối đa 9 ngày làm việc	Công ty TNHH Một thành viên Điện lực Hải Dương Chủ trì
14	Đơn giản hóa, điện tử hóa thủ tục, rút ngắn thời gian Nộp thuế và BHXH		Thời gian dưới 166 giờ/năm (Trong đó Thuế là 117h/năm; BHXH là 49 h/năm)	Cục Thuế tỉnh và Bảo hiểm xã hội tỉnh thực hiện
15	Chỉ số ứng dụng và phát triển CNTT của tỉnh	Xếp vị trí 32 tỉnh, thành phố trong cả nước đứng đầu về ứng dụng và phát triển CNTT	Xếp trong nhóm 30 tỉnh, thành phố trong cả nước đứng đầu về ứng dụng và phát triển CNTT	Sở Thông tin và Truyền thông và các Sở, ban, ngành, địa phương
16	Thủ tục kết nối cấp, thoát nước	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc	Công ty TNHH Kinh doanh nước sạch Hải Dương (cấp nước) và Đơn vị quản lý hạ tầng của địa phương hoặc Ban QLCCN (thoát nước)
17	Thủ tục cấp Giấy phép lao động	5 ngày làm việc (cấp mới) 3 ngày làm việc (cấp lại)	4 ngày làm việc (cấp mới) 2 ngày làm việc (cấp lại)	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội
18	Cấp tạm trú cho lao động nước ngoài	7 ngày làm việc	4 ngày làm việc	Công an tỉnh
19	Thời gian thông quan hàng hóa	8 ngày (xuất khẩu) 10 ngày (nhập khẩu)	50 giờ (xuất khẩu) 70 giờ (nhập khẩu)	Chi cục Hải quan Hải Dương